

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 70/2024/DS-PT
Ngày: 16-5-2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Đức

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng:** Ông Trần Minh Công – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2024/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 31/01/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2024/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Xuân H, sinh năm: 1979; cư trú tại số F, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Văn S, sinh năm: 1974; cư trú tại số E, đường P, thị trấn D, huyện D, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 18/5/2023).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế Đ, sinh năm: 1969, bà Phan Thị Kiều T, sinh năm: 1973; cư trú tại số C, đường Đ, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Trương Thị B, sinh năm 1957; cư trú tại số F, đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

2/ Bà Trần Phạm Thanh P; cư trú tại số B, đường H, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người kháng cáo: Ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T – Bị đơn.

(Ông S, ông Đ, bà T có mặt tại phiên tòa; ông H, bà B, bà P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Xuân H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đinh Văn S, ông Phạm Quốc V trình bày: Giữa ông Trần Xuân H với vợ chồng bị đơn ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T có mối quan hệ làm ăn và ông H cũng đã nhiều lần cho vợ chồng bị đơn vay tiền. Qua các lần vay tiền thì hiện nay ông Đ, bà T còn nợ ông H 06 khoản vay sau:

Ngày 07/9/2021 bị đơn vay của ông H số tiền 1.000.000.000 đồng, ngày 08/9/2021 bị đơn vay 1.000.000.000 đồng, ngày 18/9/2021 bị đơn vay 1.000.000.000 đồng, ngày 28/9/2021 bị đơn vay 1.000.000.000 đồng, ngày 03/10/2021 bị đơn vay 1.000.000.000 đồng và ngày 05/10/2021 bị đơn vay 1.000.000.000 đồng. Tổng cộng bị đơn vay của ông H 6.000.000.000 đồng, các lần vay hai bên đều có lập giấy vay tiền có chữ ký xác nhận của bên cho vay và bên vay. Những khoản vay này hai bên đều thỏa thuận lãi suất là 1,65%/tháng và thời hạn vay của mỗi khoản vay là 01 tháng; mục đích vay là để bị đơn mua nhà đất và mua sào riêng kinh doanh. Tuy nhiên, từ khi vay cho đến nay toàn bộ các khoản vay trên đã quá thời hạn nhưng vợ chồng bị đơn vẫn không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông H dù ông H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ.

Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà T trả số tiền vay gốc 6.000.000.000 đồng và tiền lãi cụ thể như sau:

- Lãi của khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng ngày 07/9/2021 gồm lãi trong hạn có mức lãi suất là 1,65%/tháng với thời gian từ ngày 07/9/2021 đến ngày 07/10/2021) là 16.500.000.000 đồng và lãi quá hạn có mức lãi suất là 2,475%/tháng với thời gian từ ngày 08/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Lãi của khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng ngày 08/9/2021 gồm lãi trong hạn có mức lãi suất là 1,65%/tháng với thời gian từ ngày 08/9/2021 đến ngày 08/10/2021) là 16.500.000.000 đồng và lãi quá hạn có mức lãi suất là 2,475%/tháng với thời gian từ ngày 09/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Lãi của khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng ngày 18/9/2021 gồm lãi trong hạn có mức lãi suất là 1,65%/tháng với thời gian từ ngày 18/9/2021 đến ngày 18/10/2021) là 16.500.000.000 đồng và lãi quá hạn có mức lãi suất là 2,475%/tháng với thời gian từ ngày 19/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Lãi của khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng ngày 28/9/2021 gồm lãi trong hạn có mức lãi suất là 1,65%/tháng với thời gian từ ngày 28/9/2021 đến ngày

28/10/2021) là 16.500.000.000 đồng và lãi quá hạn có mức lãi suất là 2,475%/tháng với thời gian từ ngày 29/10/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Lãi của khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng ngày 03/10/2021 gồm lãi trong hạn có mức lãi suất là 1,65%/tháng với thời gian từ ngày 03/10/2021 đến ngày 03/11/2021) là 16.500.000.000 đồng và lãi quá hạn có mức lãi suất là 2,475%/tháng với thời gian từ ngày 04/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Lãi của khoản vay gốc 1.000.000.000 đồng ngày 05/10/2021 gồm lãi trong hạn có mức lãi suất là 1,65%/tháng với thời gian từ ngày 05/10/2021 đến ngày 05/11/2021) là 16.500.000.000 đồng và lãi quá hạn có mức lãi suất là 2,475%/tháng với thời gian từ ngày 06/11/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Thế Đ và bà Phan Thị Kiều T trình bày:

Vợ chồng ông bà với ông Trần Xuân H có mối quan hệ bạn bè quen biết nên ông bà đã nhiều lần vay tiền của ông H. Các giấy vay tiền ngày 07/9/2021, ngày 08/9/2021, ngày 18/9/2021, ngày 28/9/2021, ngày 03/10/2021 và ngày 05/10/2021 là do ông bà ký và lãn tay xác nhận. Tại các giấy vay tiền này ghi lãi suất các bên thỏa thuận là 1,65%/tháng nhưng thực tế ông H cho vay với lãi suất là 6%/tháng, ông bà đã vay 06 khoản vay tổng cộng số tiền gốc là 6.500.000.000 đồng với hình thức ông H chuyển khoản cho ông bà kết hợp với trừ tiền lãi, cụ thể như sau:

- Ngày 02/7/2021 nguyên đơn chuyển khoản cho ông bà vay 1.000.000.000 đồng. Đến ngày 03/6/2022 ông bà đã chuyển khoản trả cho ông H số tiền vay gốc 1.000.000.000 đồng, khoản vay này ông bà đã trả tiền lãi tổng cộng là 662.000.000 đồng.

- Ngày 06/9/2021 ông H cho ông bà vay 1.000.000.000 đồng nhưng chỉ chuyển khoản 880.000.000 đồng, cụ thể ngày 06/9/2021 chuyển khoản 180.000.000 đồng, ngày 7/9/2021 chuyển khoản 2 lần tổng cộng là 300.000.000 đồng, ngày 8/9/2021 chuyển khoản 400.000.000 đồng. Khoản vay này ông bà đã trả tiền lãi tổng cộng là 240.000.000 đồng.

- Ngày 28/9/2021 nguyên đơn cho ông bà vay 1.000.000.000 đồng, cụ thể ngày 28/9/2021 nguyên đơn chuyển khoản tổng cộng 880.000.000 đồng, ngày 29/9/2021 nguyên đơn chuyển khoản 120.000.000 đồng. Khoản vay này ông bà đã trả tiền lãi tổng cộng là 480.000.000 đồng. Ngày 28/5/2022 ông bà đã trả 1.000.000.000 đồng tiền vay gốc thông qua việc giao tiền mặt cho bà Trần Phạm Thanh P là kế toán của ông H.

- Ngày 5/10/2021 ông H cho ông bà vay 1.000.000.000 đồng nhưng chỉ chuyển khoản 880.000.000 đồng. Khoản vay này ông bà đã trả tiền lãi tổng cộng là 180.000.000 đồng.

- Ngày 01/11/2021 ông H cho ông bà vay 1.000.000.000 đồng nhưng chỉ chuyển khoản 880.000.000 đồng, cụ thể ngày 30/10/2021 chuyển khoản 200.000.000 đồng, ngày 01/11/2021 chuyển khoản 2 lần tổng cộng là 680.000.000 đồng. Khoản vay này ông bà đã trả tiền lãi tổng cộng là 120.000.000 đồng.

- Ngày 10/11/2021 ông H cho ông bà vay 1.500.000.000 đồng nhưng chỉ chuyển khoản 1.380.000.000 đồng. Khoản vay này ông bà đã trả tiền lãi tổng cộng là 180.000.000 đồng. Ngày 10/01/2022 ông bà đã chuyển khoản trả hết khoản tiền vay gốc 1.500.000.000 đồng này cho ông H.

Như vậy, hiện ông bà đã trả được 3.500.000.000 đồng tiền vay gốc và 1.862.000.000 đồng tiền lãi. Hiện nay ông bà chỉ còn nợ ông H 3.000.000.000 đồng tiền vay gốc và tiền lãi từ tháng 02/2022 đến nay. Do đó, ông bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông bà trả số tiền vay gốc 6.000.000.000 đồng và tiền lãi với mức lãi suất 2,475%/tháng; ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2024/DS-ST ngày 31/01/2024, Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Xuân H.

Buộc ông Nguyễn Thế Đ và bà Phan Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho ông Trần Xuân H số tiền 9.600.000.000 (*Chín tỷ sáu trăm triệu*) đồng, trong đó gồm 6.000.000.000 đồng tiền gốc và 3.600.000.000 đồng tiền lãi.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về tiền lãi là 550.575.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn*) của ông H đối với ông Đ, bà T.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/02/2024 và ngày 19/02/2024 bị đơn ông Đ, bà T có đơn kháng cáo. Bị đơn cho rằng trong 6 giấy viết tay mà nguyên đơn khởi kiện có 3 giấy vay tiền là trùng khớp với số tiền vay và ngày vay. Do mỗi giấy vay tiền bị đơn đều ký sẵn hai tờ và để trống nội dung, sau khi ông H chuyển tiền vào tài khoản của bị đơn thì hoàn tất hồ sơ vay, kế toán bên ông H sẽ trả lại cho bị đơn một bản (hai bên chủ yếu giao kèo qua tin nhắn Zalo). Do dịch Covid19 nên có một số lần nguyên đơn chưa trả lại giấy vay cho bị đơn, lợi dụng sơ hở này nguyên đơn đã tự xóa, sửa, điền thông tin làm sai lệch hồ sơ của 3 bản vay thành 6 bản vay và lãi suất từ 6% thành 1.65%. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Theo đó, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng và nợ lãi 1.000.000.000 đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm: Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn. Bị đơn ông Đ, bà T trả cho nguyên đơn ông H số tiền 4.000.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000.000 đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T có vay tiền của ông Trần Xuân H, mục đích là để bị đơn mua bán nhà và kinh doanh mua bán sầu riêng, thời hạn vay là 01 tháng, kèm theo giấy nợ cho ông Đ, bà T nhưng do bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ và hai bên không thống nhất về số tiền phải trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Theo đó, bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 4.000.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 3.000.000.000 đồng và nợ lãi 1.000.000.000 đồng). Xét thấy, sự thỏa thuận của các bên đương sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên công nhận.

[4] Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T phải chịu 112.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Do sửa bản án sơ thẩm liên quan đến kháng cáo nên ông Đ, bà T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả lại cho ông Trần Xuân H tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự nguyên đơn ông Trần Xuân H với bị đơn ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

Ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T có trách nhiệm trả cho ông Trần Xuân H số tiền 4.000.000.000 đồng (Bốn tỷ đồng), trong đó tiền gốc là 3.000.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Thế Đ, bà Phan Thị Kiều T phải chịu 112.000.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu 0006122 và 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006121 cùng ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Đ, bà T còn phải nộp số tiền 111.400.000 đồng án phí.

Hoàn trả cho ông Trần Xuân H số tiền 58.442.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005826 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Châu Thạch Nguyễn Văn Đức

Vũ Thị Nguyệt

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng (01);
- Phòng KT-NV & THA (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND thành phố Bảo Lộc (01);
- Chi cục THADS tp. Bảo Lộc (01);
- Đương sự (04);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án (03).